TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 84/2021/DS-ST
Ngày: 19/01/2021
Vv Tranh chấp thừa kế

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Ánh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Ngọc Thực

2. Bà Lê Thị Nhanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thức – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Đỗ Văn Hiếu – Kiểm sát viên.

Trong ngày 19/01/2021, tại Phòng xử án dân sự Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 402/2019/TLST-DS ngày 14 tháng 6 năm 2019, về việc: "Tranh chấp thừa kế". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6004/2020/QĐXXST-DS ngày 01/12/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27036/2020/QĐ-PT ngày 23/12/2020, giữa các đương sự:

Đồng nguyên đơn:

1/ **Bà Phạm Thị A**, sinh năm 1944;

Địa chỉ: Số 131/7 đường NT, phường LP, thành phố LB, tỉnh Lâm Đồng.

2/ **Ông Phạm Xuân B**, sinh năm 1945;

Địa chỉ: Số 293A, đường NB, Phường MH, quận AB, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ **Bà Phạm Thị C**, sinh năm 1949;

4/ **Bà Phạm Thị D**, sinh năm 1955;

Cùng địa chỉ: Số 38A/91, đường BH, phường TX, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà A, ông B, bà D là: Bà Phạm Thị Mai G, sinh năm 1957; Địa chỉ: Số 57/2, đường GH, ấp TC, xã HC, huyện MK, Thành phố Hồ Chí Minh.

5/ **Bà Phạm Thị Mai G**, sinh năm 1957.

Địa chỉ: Số 57/2, đường GH, ấp TC, xã HC, huyện MK, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị E – Luật sư của Văn phòng luật sư Huỳnh Thị E, Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ: số 23, Đường HV, Khu phố LO, phường KO, thành phố TĐ (Quận GO cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

Đồng bị đơn:

1/ **Bà Phạm Thị H**, sinh năm 1953;

Địa chỉ: Số 130/4, đường NT, Tổ 20, ấp TC, xã HC, huyện MK, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ **Ông Phạm Quang L**, sinh năm 1961.

Địa chỉ: Số 13/12 HĐ, Khu phố XY, phường TX, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Phạm K (K Pham), sinh năm 1959.

Địa chỉ: 10XXX BeDr, HXT, Tx 77099-XXXX, USA.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị Mai G, sinh năm 1957; Địa chỉ: Số 57/2, đường GH, ấp TC, xã HC, huyện MK, Thành phố Hồ Chí Minh (Hợp đồng ủy quyền lập tại Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại HXT, Hoa Kỳ ngày 26/7/2019, chứng nhận số 830/2019/HĐUQ, được chứng nhận tại Phòng Công chứng số BR, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 04/9/2019, số công chứng: 027485, Quyển số 09 TP/CC-SCC/HĐGD).

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Theo đơn khởi kiện ngày 30/5/2019, các bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, các đồng nguyên đơn là bà Phạm Thị A, ông Phạm Xuân B, bà Phạm Thị C, bà Phạm Thị D, bà Phạm Thị Mai G (bà A, ông B, bà D cùng ủy quyền cho bà G đại diện) trình bày:

Nhà, đất số 130/4, đường NT, Tổ 20, ấp TC, xã HC, huyện MK, Thành phố Hồ Chí Minh (*theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 644828 do Ủy ban nhân dân huyện MK cấp ngày 20/11/2012 cho bà Phạm Thị H là người đại diện của những người được thừa kế quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của ông Phạm Văn CH và bà Nguyễn Thị U*) là di sản thừa kế của vợ chồng cụ Phạm Văn CH (chết năm 1969) và cụ Nguyễn Thị U (chết năm 2010).

Trước khi chết, cụ Phạm Văn CH và cụ Nguyễn Thị U không để lại di chúc. Hàng thừa kế thứ nhất của cụ CH và cụ U gồm có 08 người con là các ông, bà có tên sau:

- Bà Phạm Thị A, sinh năm 1944;

- Ông Phạm Xuân B, sinh năm 1945;

- Bà Phạm Thị C, sinh năm 1949;

- Bà Phạm Thị D, sinh năm 1955;

- Bà Phạm Thị Mai G, sinh năm 1957;

- Bà Phạm Thị H, sinh năm 1953;

- Ông Phạm Quang M, sinh năm 1961;

- Bà Phạm K (K Pham), sinh năm 1959.

Ngoài 08 người con chung nói trên, cụ CH và cụ U không có con riêng, không có con nuôi. Cha mẹ của cụ CH và cụ U đã chết từ lâu, các ông bà không biết họ và tên, năm sinh, năm chết và cũng không có giấy chứng tử của cha, mẹ của cụ CH và cụ U để cung cấp theo yêu cầu của Tòa án.

Nay các đồng nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế nhà, đất nói trên cho 08 đồng thừa kế của cụ CH và cụ U gồm: Bà Phạm Thị A, ông Phạm Xuân B, bà Phạm Thị C, bà Phạm Thị D, bà Phạm Thị Mai G, bà Phạm Thị H, ông Phạm Quang M, bà Phạm K (K Pham) theo quy định của pháp luật; mỗi người được hưởng một kỷ phần thừa kế tương đương 1/8 giá trị nhà, đất. Theo Chứng thư thẩm định giá số 020320.CTHCM ngày 31/3/2020 của Công ty Cổ phầnThẩm định giá TĐ, thì nhà đất số 130/4, đường NT, Tổ 20, ấp TC, xã HC, huyện MK, Thành phố Hồ Chí Minh có tổng giá trị là 6.152.410.101 (sáu tỷ một trăm năm mươi hai triệu bốn trăm mười nghìn một trăm lẻ một) đồng (làm tròn là 6.152.000.000 đồng), nên mỗi đồng thừa kế được nhận 01 kỷ phần thừa kế tương đương với số tiền là 769.000.000 (bảy trăm sáu mươi chín triệu) đồng.

Các ông, bà Phạm Thị Mai G, Phạm Thị A, Phạm Xuân B, Phạm Thị D, Phạm Thị C và Phạm Thị H xin được nhận di sản thừa kế bằng hiện vật và có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Phạm Quang M, bà Phạm K (K Pham) mỗi người một kỷ phần thừa kế bằng 1/8 giá trị tài sản tương đương số tiền 769.000.000 (bảy trăm sáu mươi chín triệu) đồng.

Sau khi hoàn trả xong kỷ phần thừa kế cho ông Phạm Quang M và bà Phạm K (K Pham), thì các ông bà G, A, B, C, D, H được quyền liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cập nhật chủ sở hữu nhà, đất nói trên theo quy định của pháp luật. Mọi chi phí liên quan đến thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận, các ông bà G, A, B, C, D, H nộp. Các ông, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về công sức đóng góp (tu bổ, sửa chữa, gìn giữ, vv...) của mình đối với nhà đất nói trên; không yêu cầu giải quyết các chi phí như viện phí, tiền thuốc, tang lễ, cúng giỗ,... cụ Phạm Văn CH và cụ Nguyễn Thị U, vì đây là nhiệm vụ của các con đối với cha mẹ.

Các chi phí tố tụng: Đồng nguyên đơn đã nộp tạm ứng chi phí đo vẽ (1.829.975 đồng), chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ (5.000.000 đồng), chi phí thẩm định giá (15.000.000 đồng). Các nguyên đơn tự nguyện nộp các chi phí tố tụng này, không yêu cầu các đương sự khác trong vụ án chịu trách nhiệm trả số tiền này và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Đồng Bị đơn:

2.1. Bà Phạm Thị H.

- Tại bản tự khai ngày 16/7/2019 bà Phạm Thị H trình bày: Cha mẹ của bà là cụ Phạm Văn CH (chết năm 1969) và cụ Nguyễn Thị U (chết năm 2010). Cha mẹ bà chết không để lại di chúc. Cha mẹ bà có tất cả 08 người con chung (không có con riêng, không có con nuôi) gồm: Bà Phạm Thị A, ông Phạm Xuân B, bà Phạm Thị C, bà Phạm Thị H, bà Phạm Thị D, bà Phạm Thị Mai G, bà Phạm K (K Pham) và ông Phạm Quang M. Ông bà nội và ông bà ngoại của bà đã chết trước cha mẹ bà, bà cũng không nhớ họ tên, năm chết, không có giấy khai tử của họ để cung cấp cho Tòa án.

Cha mẹ bà có để lại di sản thừa kế là nhà, đất số 130/4, đường NT, Tổ 20, ấp TC, xã HC, huyện MK, Thành phố Hồ Chí Minh. Nhà, đất này do cha mẹ bà tạo lập từ năm 1959. Trong quá trình ở, cha mẹ bà có sửa chữa nhiều lần; các anh chị em trong gia đình người nào cũng có công sức đóng góp phụ giúp cha mẹ trong việc sửa chữa nhà. Bà đã được đọc đơn khởi kiện của nguyên đơn, bà thừa nhận nội dung trong đơn khởi kiện về quan hệ nhân thân và nguồn gốc tài sản tranh chấp là đúng. Bà đồng ý chia thừa kế theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bà không biết nhà, đất này có giá bao nhiêu tiền, bà cũng không có điều kiện lấy nhà đất này và hoàn trả tiền cho các đồng thừa kế khác, nên bà xin nhận thừa kế là 1/8 giá trị nhà đất tranh chấp. Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết công sức đóng góp của bà trong di sản thừa kế này. Ngoài nhà đất này, cha mẹ bà không để lại tài sản nào khác. Bà không có yêu cầu phản tố trong vụ án này. Hiện nay chỉ có một mình bà sống trong nhà.

- Tại biên bản không tiến hành hòa giải được các ngày 20/8/2020, 29/9/2020, bà Phạm Thị H trình bày: Bà có cùng ý kiến với các đồng nguyên đơn, bà và các đồng nguyên đơn xin được nhận nhà và hoàn trả kỷ phần thừa kế bằng tiền cho ông Phạm Quang M và bà Phạm K (K Pham), mỗi người là 1/8 giá trị tài sản tương đương số tiền 769.000.000 (bảy trăm sáu mươi chín triệu) đồng theo Chứng thư thẩm định giá số 020320.CTHCM ngày 31/3/2020 của Công ty Cổ phần Thẩm định giá TĐ. Mọi chi phí liên quan đến thủ tục cấp giấy chứng nhận, bà và các đồng nguyên đơn nộp. Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về công sức đóng góp (tu bổ, sửa chữa, gìn giữ, vv...) của mình đối với nhà đất nói trên; không yêu cầu giải quyết các chi phí như viện phí, tiền thuốc, tang lễ, cúng giỗ,... cha mẹ, vì đây là nhiệm vụ của con cái đối với cha mẹ.

2.2. Ông Phạm Quang M.

Ngày 13/7/2019, ông Phạm Quang M lập giấy ủy quyền cho vợ là bà Hồ Ngọc T đại diện (giấy ủy quyền lập tại Văn phòng công chứng GS, số: 012627, Quyển số 7).

Tại bản tự khai ngày 16/7/2019, bà Hồ Ngọc T trình bày: Bà có cùng ý kiến với bà Phạm Thị H về quan hệ nhân thân và nguồn gốc tài sản mà bà Phạm Thị H đã trình bày tại bản tự khai ngày 16/7/2019. Bà đã được xem đơn khởi kiện của nguyên đơn. Bà không có ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ án này, bà cũng không có yêu cầu phản tố trong vụ án.

Ngày 10/7/2020, Tòa án nhận được Văn bản chấm dứt thực hiện việc ủy

quyền do ông Phạm Quang M lập ngày 22/10/2019 tại Văn phòng công chứng SG (số 017755, Quyển số 10), với nội dung: Vào ngày 13/7/2019, ông có lập giấy ủy quyền cho bà Hồ Ngọc T đại diện. Nay ông tuyên bố chấm dứt việc ủy quyền này, ông có trách nhiệm thông báo trực tiếp việc chấm dứt ủy quyền cho bà Hồ Ngọc T và các cá nhân, tổ chức liên quan. Ông cam kết chịu mọi trách nhiệm về các hành vi do bà Hồ Ngọc T đã thực hiện trong phạm vi ông đã ủy quyền cho bà Hồ Ngọc T theo giấy ủy quyền.

Từ sau ngày Tòa án nhận được văn bản của ông Phạm Quang M về việc chấm dứt thực hiện việc ủy quyền đối với bà Hồ Ngọc T, thì ông Phạm Quang M không đến Tòa án theo giấy triệu tập.

3/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Phạm K (K Pham) ủy quyền cho bà Phạm Thị Mai G đại diện trình bày trong quá trình giải quyết vụ án như sau: Bà có cùng ý kiến như nguyên đơn, bà đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các đồng nguyên đơn là Luật sư Huỳnh Thị E trình bày:

Các đồng nguyên đơn có cùng ý kiến về quan hệ nhân thân và nguồn gốc tài sản như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án. Các đồng nguyên đơn và bà Phạm Thị H (đồng bị đơn) xin nhận thừa kế bằng hiện vật là nhà đất số 130/4, đường NT, Tổ 20, ấp TC, xã HC, huyện MK, Thành phố Hồ Chí Minh là di sản thừa kế của cụ Phạm Văn CH và cụ Nguyễn Thị U. Các đồng nguyên đơn và bà Phạm Thị H được đứng tên đồng sở hữu nhà đất và sẽ có nghĩa vụ trả kỷ phần thừa kế bằng tiền cho ông Phạm Quang M và bà Phạm K (K Pham), mỗi người là 1/8 giá trị nhà, đất tại thời điểm thi hành án.

Ngay sau khi trả đủ số tiền tương đương 1/8 giá trị nhà đất cho ông Phạm Quang M và bà Phạm K (K Pham), thì các đồng nguyên đơn và bà Phạm Thị H được quyền liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục công nhận quyền sở hữu chung đối với nhà, đất. Mọi chi phí liên quan như tiền sử dụng đất, tiền thuế trước bạ và các chi phí liên quan khác, các đồng nguyên đơn và bà Phạm Thị H nộp.

Các đồng nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết về công sức đóng góp, tu bổ, sửa chữa, gìn giữ tài sản; tiền đóng thuế nhà, đất các năm cũng như chi phí phụng dưỡng, chăm sóc, ma chay, đám giỗ cha mẹ.

Hiện nay, bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số BL 644828 do Ủy ban nhân dân huyện MK cấp ngày 20/11/2012 cho bà Phạm Thị H do ông Phạm Quang M đang giữ, nên ông M phải có nghĩa vụ giao trả lại cho các đồng nguyên đơn và bà H ngay khi nhận đủ kỷ phần thừa kế. Nếu không, thì các ông bà được quyền căn cứ bản án để liên hệ cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà đất theo quy định của pháp luật. Nhà, đất này hiện nay để trống, không ai ở.

Nguyên đơn đã nộp tạm ứng các chi phí tố tụng và tự nguyện nộp các chi phí

này, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Các đồng nguyên đơn là bà Phạm Thị A, ông Phạm Xuân B, bà Phạm Thị C, bà Phạm Thị D, bà Phạm Thị Mai G (bà A, ông B, bà D cùng ủy quyền cho bà G đại diện) trình bày:

Chúng tôi có cùng ý kiến như Luật sư của chúng tôi trình bày và không bổ sung thêm. Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn.

- Đồng bị đơn:

+ Bà Phạm Thị H trình bày: Bà có cùng ý kiến và yêu cầu như Luật sư của các đồng nguyên đơn đã trình bày, bà không bổ sung thêm. Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về công sức đóng góp, tu bổ, sửa chữa, gìn giữ tài sản; tiền đóng thuế nhà, đất các năm cũng như chi phí phụng dưỡng, chăm sóc, ma chay, đám giỗ cha mẹ.

+ Ông Phạm Quang M đã được Tòa án triệu tập nhưng vắng mặt không có lý do, không có đơn xin vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm K (K Pham) ủy quyền cho bà Phạm Thị Mai G đại diện trình bày: Bà có cùng ý kiến với Luật sư của các đồng nguyên đơn về quan hệ nhân thân và nguồn gốc tài sản. Bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, bà xin nhận 01 suất thừa kế bằng tiền tương đương 1/8 giá trị nhà đất. Bà đồng ý giao nhà đất cho các đồng nguyên đơn và bà Phạm Thị H được đồng sở hữu. Mọi chi phí liên quan đến thủ tục cấp giấy chứng nhận, các đồng nguyên đơn và bà Phạm Thị H nộp.

Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về công sức đóng góp, tu bổ, sửa chữa, gìn giữ tài sản; tiền đóng thuế nhà, đất các năm cũng như chi phí phụng dưỡng, chăm sóc, ma chay, đám giỗ cha mẹ. Bà không có yêu cầu độc lập trong vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ông Đỗ Văn Hiếu – Kiểm sát viên trung cấp phát biểu:

Từ khi thụ lý vụ án đến nay Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Các đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 644828 (số vào sổ cấp GCN: CH 00885) do Ủy ban nhân dân huyện MK cấp ngày 20/11/2012 cho bà Phạm Thị H là người đại diện của những người được thừa kế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của ông Phạm Văn CH và bà Nguyễn Thị U, thì nhà đất số 130/4, đường NT, Tổ 20, ấp TC, xã HC, huyện MK, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản thuộc quyền sở hữu của cụ Phạm Văn CH và cụ Nguyễn Thị U. cụ CH và cụ U chết không để lại di chúc; hai cụ có tất cả 08 người con như các đương sự đã trình bày. Nay các đồng nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế nhà, đất nói trên và xin được nhận thừa kế bằng hiện vật, đứng tên đồng sở hữu nhà, đất cùng bà Phạm Thị H (đồng bị đơn) là có căn cứ nên đề nghị chấp nhận. Giao nhà, đất cho các đồng nguyên đơn và bà Phạm Thị H được quyền sở hữu, các đương sự này có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Phạm Quang M và bà Phạm K (K Pham) mỗi người một

kỷ phần thừa kế tương đương 1/8 giá trị tài sản tranh chấp tại thời điểm thi hành án.

Chi phí tố tụng đồng nguyên đơn tự nguyện nộp nên không xét. Án phí dân sự sơ thẩm, các nguyên đơn và bà Phạm Thị H là người cao tuổi, có đơn xin miễn nên miễn án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự có mặt và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố hồ Chí Minh tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng.

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Các đồng nguyên đơn khởi kiện tranh chấp thừa kế nhà, đất số 130/4, đường NT, Tổ 20, ấp TC, xã HC, huyện MK, Thành phố Hồ Chí Minh. Vụ án có người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phạm K (K Pham) cư trú tại Hoa Kỳ, nên quan hệ pháp luật là "Tranh chấp thừa kế" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 và điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về tư cách đại diện và sự có mặt, vắng mặt của các đương sự.

Bà Phạm Thị A, ông Phạm Xuân B, bà Phạm Thị D và bà Phạm K (K Pham) cùng ủy quyền cho bà Phạm Thị Mai G đại diện, các văn bản ủy quyền hợp lệ.

Ông Phạm Quang M ủy quyền cho bà Hồ Ngọc T đại diện, văn bản ủy quyền hợp lệ. Bà Hồ Ngọc T là đại diện theo ủy quyền của ông M đã làm bản tự khai ngày 16/7/2019 nộp cho Tòa án. Ngày 10/7/2020, Tòa án nhận được văn bản chấm dứt thực hiện việc ủy quyền đối với bà Hồ Ngọc T do ông Phạm Quang M lập ngày 22/10/2019 tại Văn phòng công chứng SG(số 017755, Quyển số 10). Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Phạm Quang M (đồng bị đơn), nhưng ông Phạm Quang M vắng mặt không có lý do và không có đơn xin vắng mặt gửi cho Tòa án.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà Phạm Thị A, ông Phạm Xuân B, bà Phạm Thị D, bà Phạm K (K Pham) và ông Phạm Quang M.

[1.3] Về thời hiệu: Các đương sự không yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu nên căn cứ vào khoản 2 Điều 184 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không xem xét về thời hiệu khởi kiện.

[1.4] Về biện pháp khẩn cấp tạm thời.

Theo yêu cầu của các đồng nguyên đơn, ngày 27/11/2019 Tòa án ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 420/2019/QĐ-BPKCTT, buộc đồng bị đơn là ông Phạm Quang M phải mở cửa nhà đất tranh chấp để Tòa án tiến hành thủ tục xem xét, thẩm định tại chỗ và Trung tâm Đo đạc bản đồ - Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành đo vẽ nhà đất tranh chấp.

Ngày 22/7/2020, các đồng nguyên đơn nộp đơn yêu cầu hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời. Ngày 30/7/2020, Tòa án ban hành Quyết định số 223/2020/QĐ-BPKCTT, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 420/2019/QĐ-BPKCTT ngày 27/11/2019.

[1.5] Việc đồng nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa, các đồng nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, theo đó các đồng nguyên đơn xin được cùng bà Phạm Thị H (đồng bị đơn) nhận thừa kế bằng hiện vật và cùng đứng tên đồng sở hữu tài sản tranh chấp; đồng thời hoàn trả cho ông Phạm Quang M và bà Phạm K (K Pham) mỗi người một kỷ phần thừa kế tương đương 1/8 giá trị nhà, đất tranh chấp tại thời điểm thi hành án. Xét, việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu, phù hợp quy định tại Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, nên chấp nhận.

[2] Về nội dung.

[2.1] Nguồn gốc tài sản tranh chấp.

Theo lời khai của các đương sự trong vụ án cùng tài liệu, chứng cứ do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện MK cung cấp tại văn bản số 14202/CNHM ngày 19/7/2019, thì nhà đất số 130/4, đường NT, Tổ 20, ấp TC, xã HC, huyện MK, Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là nhà đất số 130/4 NT) có nguồn gốc do cụ Phạm Văn CH và cụ Nguyễn Thị U tạo lập năm 1959. Sau khi tạo lập, gia đình cụ CH, cụ U và các con ở tại căn nhà này, các con lần lượt lập gia đình và sống riêng, chỉ còn lại bà Phạm Thị H sinh sống, đến cuối năm 2019 thì bà H không còn sống tại đây, nhà do ông Phạm Quang M khóa cửa.

Năm 2012, bà Phạm Thị H đại diện các đồng thừa kế của cụ Phạm Văn CH và cụ Nguyễn Thị U làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận và được Ủy ban nhân dân huyện MK, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 644828 (số vào sổ cấp GCN: CH 00885) ngày 20/11/2012 cho bà Phạm Thị H là người đại diện của những người được thừa kế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của cụ Phạm Văn CH và cụ Nguyễn Thị U.

Theo yêu cầu của nguyên đơn, Tòa án đã tiến hành thủ tục xem xét, thẩm định tại chỗ và yêu cầu Trung tâm Đo đạc bản đồ - Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh đo vẽ tài sản tranh chấp vào các ngày 15/10/2019, 16/01/2020. Tuy nhiên, việc xem xét, thẩm định tại chỗ và đo vẽ không tiến hành được do ông Phạm Quang M (đồng bị đơn) khóa cửa nhà, không đến tham gia mặc dù đã được triệu tập hợp lệ.

Các đồng nguyên đơn, bà Phạm Thị H và bà Phạm K (K Pham) có bà Phạm Thị Mai G đại diện cùng xác nhận, nhà đất số 130/4 NT còn nguyên hiện trạng, không thay đổi kết cấu so với thời điểm cấp giấy chứng nhận năm 2012. Do không tiến hành đo vẽ được hiện trạng thực tế, không tiến hành được thủ tục xem xét, thẩm định tại chỗ nên Tòa án sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 644828 (số vào sổ cáp GCN:

CH 00885) ngày 20/11/2012 và bản vẽ nhà ở, đất ở cấp giấy chứng nhận làm căn cứ giải quyết vụ án.

Theo giấy chứng nhận và bản vẽ cấp giấy chứng nhận, thì nhà đất số 130/4, đường NT có diện tích xây dựng 59,8m^2 (diện tích sàn 99,8m^2), nhà cấp 4; kết cấu: tường gạch, sàn gỗ + sàn BTCT, mái tôn; số tầng: 02 tọa lạc trên diện tích đất 59,8m^2 (đất ở tại đô thị), thuộc thửa đất số 737, tờ bản đồ số 28, xã HC, huyện MK, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong đó, diện tích đất 15,8m^2 và diện tích nhà 31,6m^2 không phù hợp quy hoạch được công nhận.

Căn cứ Trích lục khai tử số 466/TLKT-BS ngày 18/5/2019 của Ủy ban nhân dân xã Tân Xuân, thì cụ Phạm Văn CH chết ngày 14/01/1969; Trích lục khai tử số 307/TLKT-BS ngày 24/5/2019 của Ủy ban nhân dân xã HC, huyện MK, thì cụ Nguyễn Thị U chết ngày 01/01/2010. Tòa án có công văn số 3341/TATP-TDS ngày 03/7/2019 gửi Ủy ban nhân dân xã HC, huyện MK để xác minh hàng thừa kế của cụ Phạm Văn CH, cụ Nguyễn Thị U và việc hai cụ có lập di chúc tại Ủy ban nhân dân xã Trung Chánh hay không; nhưng sau nhiều lần nhắc Tòa án vẫn không nhận được kết quả trả lời. Các đương sự cùng xác nhận cụ CH và cụ U chết không để lại di chúc.

Từ các căn cứ trên, có cơ sở xác định nhà đất số 130/4 NT là di sản thừa kế của cụ Phạm Văn CH và cụ Nguyễn Thị U, được chia thừa kế theo quy định của pháp luật theo quy định tại Điều 649, Điều 650 và Điều 651 của Bộ luật dân sự. Hiện nay, nhà đất do ông Phạm Quang M khóa cửa, không có người cư trú.

[2.2] Những người được hưởng di sản thừa kế của cụ Phạm Văn CH và cụ Nguyễn Thị U:

Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 651 của Bộ luật dân sự năm 2015, thì: "*Hàng thừa kế thứ nhất gồm: vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi của người chết*".

Căn cứ vào bản sao các giấy khai sinh cùng sự thừa nhận của các đương sự, thì: Cụ Phạm Văn CH và cụ Nguyễn Thị U chết không để lại di chúc; hai cụ có tất cả 08 người con chung gồm: Bà Phạm Thị A, ông Phạm Xuân B, bà Phạm Thị C, bà Phạm Thị D, bà Phạm Thị Mai G, bà Phạm Thị H, ông Phạm Quang M và bà Phạm K (K Pham). Ngoài 08 người con chung nói trên, cụ CH và cụ U không có con riêng, không có con nuôi. Cha mẹ của cụ Phạm Văn CH và cụ Nguyễn Thị U đã chết từ lâu, các đương sự không biết họ và tên, năm sinh, năm chết và cũng không có giấy chứng tử của cha, mẹ của cụ CH và cụ U để cung cấp theo yêu cầu của Tòa án. Như vậy, hàng thừa kế thứ nhất của cụ CH và cụ U gồm có các ông, bà: A, B, C, D, G, H, M và K (K Pham). Căn cứ vào khoản 2 Điều 651 của Bộ luật dân sự năm 2015, thì: "*Những người thừa kế cùng hàng được hưởng phần di sản bằng nhau*".

Năm 1969, cụ Phạm Văn CH chết nên ½ giá trị nhà đất là di sản của cụ CH được chia đều cho 09 đồng thừa kế gồm: Cụ Nguyễn Thị U (vợ) và 08 người con chung của cụ CH và cụ U, mỗi đồng thừa kế được nhận một kỷ phần thừa kế bằng 1/18 giá trị nhà, đất.

Năm 2010, cụ Nguyễn Thị U chết nên di sản của cụ U là 10/18 giá trị nhà đất (9/18 giá trị nhà đất là tài sản của cụ U + 1/18 giá trị nhà đất cụ U được hưởng từ di sản của cụ CH) được chia cho 08 người con của cụ U.

Do cụ Phạm Văn CH và cụ Nguyễn Thị U chết không để lại di chúc, các cụ đều không có con riêng, không có con nuôi nên các đồng thừa kế của cụ CH và cụ U gồm các ông, bà: A, B, C, D, G, H, M và K (K Pham), mỗi người được nhận một kỷ phần thừa kế bằng nhau, tương đương 1/8 giá trị nhà, đất.

[2.3] Về giá trị di sản:

Bà Phạm Thị A, ông Phạm Xuân B, bà Phạm Thị C, bà Phạm Thị D, bà Phạm Thị Mai G, bà Phạm Thị H và bà Phạm K (K Pham) cùng thống nhất theo giá đã thẩm định của Công ty Cổ phần Thẩm định giá TĐ làm căn cứ giải quyết vụ án.

Bị đơn ông Phạm Quang M đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo số 16031/TB-TA ngày 18/12/2019 về việc trưng cầu tổ chức thẩm định giá, thông báo kết quả thẩm định giá theo Chứng thư thẩm định giá số: 020320.CTHCM ngày 31/3/2020 của Công ty Cổ phần Thẩm định giá TĐ, nhưng ông M không có ý kiến gì về việc nguyên đơn lựa chọn Công ty Cổ phần Thẩm định giá TĐ tiến hành thẩm định giá tài sản tranh chấp, không có ý kiến gì về giá đã thẩm định theo chứng thư nói trên. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào chứng thư thẩm định giá nói trên làm căn cứ giải quyết vụ án.

Căn cứ Chứng thư thẩm định giá số: 020320.CTHCM ngày 31/3/2020 của Công ty Cổ phần Thẩm định giá TĐ, thì tổng giá trị nhà, đất số 130/4 NT là: 6.152.410.101 (sáu tỷ một trăm năm mươi hai triệu bốn trăm mười nghìn một trăm lẻ một) đồng (chứng thư ghi làm tròn là 6.152.000.000 đồng). Như vậy, các đồng thừa kế gồm các ông/bà: A, B, C, D, H, M và K (K Pham) mỗi đồng thừa kế được nhận một kỷ phần thừa kế tương đương 1/8 giá trị nhà, đất, thành tiền là: 6.152.410.101 đồng : 8 = 769.051.262 (bảy trăm sáu mươi chín triệu không trăm năm mươi mốt nghìn hai trăm sáu mươi hai) đồng.

[2.4] Xét yêu cầu của bà Phạm Thị A, ông Phạm Xuân B, bà Phạm Thị C, bà Phạm Thị D, bà Phạm Thị Mai G, bà Phạm Thị H (bà A, ông B, bà D và bà C cùng ủy quyền cho bà G đại diện) về việc xin nhận thừa kế bằng hiện vật, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Các ông bà A, B, C, D, G, H có yêu cầu được nhận thừa kế bằng hiện vật là nhà đất số 130/4 NT; các ông bà sẽ đứng tên đồng sở hữu và đồng ý hoàn trả giá trị cho các đồng thừa kế là ông Phạm Quang M và bà Phạm K (K Pham) mỗi người 1/8 giá trị nhà đất tại thời điểm thi hành án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phạm K (K Pham) có bà Phạm Thị Mai G đại diện đồng ý với yêu cầu của các đồng nguyên đơn và bà H.

Đồng bị đơn là ông Phạm Quang M đã được nguyên đơn cung cấp đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ kèm theo, đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, trong đó có thông báo về kết quả các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông Phạm Quang M không có ý kiến gì về việc các đồng nguyên đơn và bà Phạm Thị H xin nhận thừa kế bằng hiện vật, cũng không có yêu cầu được nhận thừa kế bằng hiện vật, nên căn cứ khoản 2,

khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự, ông Phạm Quang M phải chịu hậu quả của việc không chứng minh. Tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, quy định: *"Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh".* Vì vậy, Tòa án lấy lời khai của các đồng nguyên đơn, bà Phạm Thị H (đồng bị đơn) và bà Phạm Thị Mai G (đại diện của bà Phạm K (K Pham)) cùng các tài liệu chứng cứ tại hồ sơ vụ án để xem xét yêu cầu của đương sự.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 660 của Bộ luật dân sự năm 2015, thì: "*Những người thừa kế có quyền yêu cầu phân chia di sản bằng hiện vật; nếu không thể chia đều bằng hiện vật thì những người thừa kế có thể thỏa thuận về việc định giá hiện vật và thỏa thuận về người nhận hiện vật; nếu không thỏa thuận được thì hiện vật được bán để chia*".

Xét, nhà đất nói trên không đủ diện tích để chia thừa kế bằng hiện vật cho 08 người con của của cụ CH và cụ U. Các ông bà A, B, C, D, G, H có yêu cầu được nhận thừa kế bằng hiện vật và được đồng sở hữu nhà, đất này. Bà Phạm K (K Pham) đồng ý nhận giá trị phần thừa kế mà bà được hưởng bằng tiền và giao nhà, đất cho các đồng nguyên đơn cùng bà Phạm Thị H được quyền sở hữu. Vì vậy, Hội đồng xét xử có sơ sở để chấp nhận yêu cầu của đồng nguyên đơn và bà Phạm Thị H về việc nhận thừa kế bằng hiện vật, giao cho các ông, bà: A, B, C, D, G, H, được đồng sở hữu nhà đất số 130/4 NT và có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Phạm Quang M, bà Phạm K (K Pham) mỗi người 1/8 giá trị nhà đất tại thời điểm thi hành án.

Sau khi hoàn trả xong kỷ phần thừa kế cho ông Phạm Quang M và bà Phạm K (K Pham), thì các ông, bà: A, B, C, D, G, H có quyền liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà đất theo quy định của pháp luật. Các khoản thuế, phí có liên quan các ông, bà: A, B, C, D, G, H, tự nguyện nộp.

Theo lời khai của các đồng nguyên đơn, bà Phạm Thị H và bà Phạm Kim Thoa (Kathy Thoa Pham, có bà Phạm Thị Mai G đại diện) thì ông Phạm Quang M đang giữ bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 644828 (số vào sổ cấp GCN: CH 00885) do Ủy ban nhân dân huyện MK, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20/11/2012. Ông Phạm Quang M không có ý kiến gì về lời khai này của các đương sự. Vì vậy, ngay sau khi nhận đủ kỷ phần thừa kế là 1/8 giá trị nhà đất, thì ông Phạm Quang M có nghĩa vụ giao trả bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất nói trên cho các ông, bà: A, B, C, D, G, H,. Trường hợp ông Phạm Quang M không thực hiện, thì các ông, bà: A, B, C, D, G, H, được quyền căn cứ bản án này liên hệ cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở đối với nhà, đất nói trên theo quy định của pháp luật; trong trường hợp này, cơ quan có thẩm quyền có quyền thu hồi và hủy bỏ bản chính giấy chứng nhận mà ông Phạm Quang M đang giữ.

Các đương sự trong vụ án đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về công sức đóng góp, tu bổ, gìn giữ và tôn tạo đối với di sản thừa kế, nên Hội đồng xét xử

không áp dụng Án lệ số 05/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 06 tháng 4 năm 2016, để xem xét về công sức đóng góp của các đương sự đối với di sản thừa kế.

Các đồng nguyên đơn, bà Phạm Thị H và bà Phạm Kim Thoa (Kathy Thoa Pham, ủy quyền cho bà Phạm Thị Mai G đại diện) không yêu cầu Tòa án giải quyết về công sức đóng góp, tu bổ, sửa chữa, gìn giữ tài sản; tiền đóng thuế nhà, đất các năm cũng như chi phí phụng dưỡng, chăm sóc, ma chay, đám giỗ cha mẹ, nên không xem xét.

[3] Về chi phí tố tụng: Đồng nguyên đơn đã nộp tạm ứng chi phí đo vẽ là 1.829.975 đồng, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 5.000.000 đồng; chi phí thẩm định giá là 15.000.000 đồng. Tổng cộng là 21.829.975 đồng. Các đồng nguyên đơn tự nguyện nộp các chi phí tố tụng này, nên ghi nhận. Các đồng nguyên đơn đã thực hiện xong.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/BTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, thì các đương sự được hưởng di sản thừa kế phải nộp án phí tính trên số tiền mà mình được nhận. Tuy nhiên, bà Phạm Thị A, ông Phạm Xuân B, bà Phạm Thị C, bà Phạm Thị D, bà Phạm Thị Mai G, bà Phạm Thị H là người cao tuổi, cùng có đơn xin miễn án phí, nên căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Điều 2 Luật Người cao tuổi, Hội đồng xét xử miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm cho các đương sự này.

Bà Phạm K (K Pham), sinh năm 1959 (có bà Phạm Thị Mai G đại diện) có đơn xin miễn án phí. Theo quy định tại Điều 2 Luật người cao tuổi thì: "Người cao tuổi được quy định trong Luật này là công dân Việt Nam từ đủ 60 tuổi trở lên", nhưng bà Phạm K (K Pham) có quốc tịch Hoa Kỳ, nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận.

Ông Phạm Quang M (sinh ngày 05/4/1961) và bà Phạm K (K Pham) mỗi người phải nộp án phí tương đương 1/8 giá trị tài sản theo chứng thư thẩm định giá (769.051.262 đồng), được tính: 20.000.000 đồng + (4% x 369.051.262 đồng) = 34.762.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 5, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 2 và khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 157, Điều 165, khoản 2 Điều 227, Điều 273 và khoản 2 Điều 284 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 649, Điều 650, điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 651, khoản 2 Điều 660, Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 2 của Luật Người cao tuổi;

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 và điểm a khoản 1 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn bà Phạm Thị A, ông Phạm Xuân B, bà Phạm Thị C, bà Phạm Thị D, bà Phạm Thị Mai G (bà A, ông B, bà D cùng ủy quyền cho bà G đại diện) về việc chia thừa kế theo pháp luật nhà, đất số 130/4, đường NT, Tổ 20, ấp TC, xã HC, huyện MK, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Xác định nhà, đất số 130/4, đường NT, Tổ 20, ấp TC, xã HC, huyện MK, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BL 644828 (số vào sổ cấp GCN: CH 00885) do Ủy ban nhân dân huyện MK, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20/11/2012), là di sản thừa kế của cụ Phạm Văn CH (chết năm 1969) và cụ Nguyễn Thị U (chết năm 2010) để lại. Giá trị nhà, đất theo Chứng thư thẩm định giá số: 020320.CTHCM ngày 31/3/2020 của Công ty Cổ phần Thẩm định giá TĐ là: 6.152.410.101 (sáu tỷ một trăm năm mươi hai triệu bốn trăm mười nghìn một trăm lẻ một) đồng.

3. Những người được hưởng di sản thừa kế của cụ Phạm Văn CH và cụ Nguyễn Thị U gồm có 08 (tám) người là: Bà Phạm Thị A, ông Phạm Xuân B, bà Phạm Thị C, bà Phạm Thị D, bà Phạm Thị Mai G, bà Phạm Thị H, ông Phạm Quang M và bà Phạm K (K Pham). Mỗi đồng thừa kế được nhận một kỷ phần thừa kế bằng nhau tương đương 1/8 giá trị nhà, đất số 130/4, đường NT, Tổ 20, ấp TC, xã HC, huyện MK, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị A, ông Phạm Xuân B, bà Phạm Thị C, bà Phạm Thị D, bà Phạm Thị Mai G, bà Phạm Thị H về việc xin được nhận di sản thừa kế bằng hiện vật, cùng đứng tên đồng sở hữu nhà đất và hoàn trả kỷ phần thừa kế bằng tiền cho các đồng thừa kế khác là ông Phạm Quang M, bà Phạm K (K Pham).

4.1. Giao cho bà Phạm Thị A, ông Phạm Xuân B, bà Phạm Thị C, bà Phạm Thị D, bà Phạm Thị Mai G, bà Phạm Thị H được quyền đồng sở hữu nhà, đất số 130/4, đường NT, Tổ 20, ấp TC, xã HC, huyện MK, Thành phố Hồ Chí Minh và có nghĩa vụ hoàn trả kỷ phần thừa kế bằng tiền cho ông Phạm Quang M, bà Phạm K (K Pham) mỗi người là 1/8 giá trị nhà, đất số 130/4, đường NT, Tổ 20, ấp TC, xã HC, huyện MK, Thành phố Hồ Chí Minh tại thời điểm thi hành án.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

4.2. Ngay sau khi nhận đủ kỷ phần thừa kế là 1/8 giá trị nhà đất nói trên, ông Phạm Quang M có nghĩa vụ giao trả bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BL 644828 (số vào sổ

cấp GCN: CH 00885) do Ủy ban nhân dân huyện MK, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20/11/2012 cho các ông, bà: Phạm Thị A, Phạm Xuân B, Phạm Thị C, Phạm Thị D, Phạm Thị Mai G, Phạm Thị H. Trường hợp ông Phạm Quang M không thực hiện, thì các ông, bà: A, B, C, D, G, H, được quyền căn cứ bản án này liên hệ cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở đối với nhà, đất nói trên theo quy định của pháp luật; trong trường hợp này, cơ quan có thẩm quyền có quyền thu hồi và hủy bỏ bản chính giấy chứng nhận mà ông Phạm Quang M đang giữ.

4.3. Sau khi thực hiện xong nghĩa vụ trả kỷ phần thừa kế cho ông Phạm Quang M và bà Phạm K (K Pham), thì các ông/bà: Phạm Thị A, Phạm Xuân B, Phạm Thị C, Phạm Thị D, Phạm Thị Mai G, Phạm Thị H có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở đối với nhà, đất số 130/4, đường NT, Tổ 20, ấp TC, xã HC, huyện MK, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định của pháp luật (đồng sở hữu). Các ông/bà: A, B, C, D, G, H, tự nguyện nộp các khoản thuế, lệ phí, phí,vv.. trong quá trình làm thủ tục cấp giấy chứng nhận.

5. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Phạm Thị A, ông Phạm Xuân B, bà Phạm Thị C, bà Phạm Thị D, bà Phạm Thị Mai G, bà Phạm Thị H và bà Phạm K (K Pham) (bà A, ông B, bà D, bà K cùng ủy quyền cho bà G đại diện) về việc không yêu cầu Tòa án giải quyết về công sức đóng góp, tu bổ, sửa chữa, gìn giữ tài sản; tiền đóng thuế nhà, đất cũng như chi phí phụng dưỡng, chăm sóc, đám tang, đám giỗ cụ Phạm Văn CH và cụ Nguyễn Thị U.

Các đương sự thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

6. Về chi phí tố tụng: Các đồng nguyên đơn bà Phạm Thị A, ông Phạm Xuân B, bà Phạm Thị C, bà Phạm Thị D, bà Phạm Thị Mai G đã nộp tạm ứng tổng cộng là 21.829.975 (hai mươi mốt triệu tám trăm hai mươi chín nghìn chín trăm bảy mươi lăm) đồng. Các đồng nguyên đơn tự nguyện nộp các chi phí tố tụng này, nên ghi nhận. Đã thực hiện xong.

7. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bà Phạm Thị A, ông Phạm Xuân B, bà Phạm Thị C, bà Phạm Thị D, bà Phạm Thị Mai G và bà Phạm Thị H.

Bà Phạm Kim Thoa (Kathy Thoa Pham, ủy quyền cho bà Phạm Thị Mai G đại diện) và ông Phạm Quang M mỗi người phải nộp 34.762.000 (ba mươi bốn triệu bảy trăm sáu mươi hai nghìn) đồng.

Án xử sơ thẩm công khai, bà Phạm Thị A, ông Phạm Xuân B, bà Phạm Thị C, bà Phạm Thị D, bà Phạm Thị Mai G, bà Phạm Thị H và bà Phạm K (K Pham) (bà A, ông B, bà D, bà Thoa cùng ủy quyền cho bà G đại diện) được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; ông Phạm Quang M được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện Kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND TC;
- TAND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Thị Ánh
(Đã ký và đóng dấu)